

Bản án số: 160/2021/DS-ST

Ngày: 04/5/2021.

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Ngọc Thông.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Sương - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thế Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 296/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2021/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 03 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2021/QĐST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2021; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng AC.

Địa chỉ: 442 đường K, Phường L, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Hoàng T, sinh năm 1993.

(Theo văn bản ủy quyền số 348/UQ-QLN.21 ngày 18/3/2021 của Ngân hàng AC).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Lê Thủy T, sinh năm 1971

Thường trú: 658 đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/08/2007 bà Nguyễn Lê Thủy T ký hợp đồng tín dụng trả góp trả góp số PDL.CN.03010807 (số tài khoản vay: 28800719) với Ngân hàng AC (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) để vay số tiền 220.000.000 đồng. Phương thức giải ngân: Chuyển toàn bộ số tiền vay vào tài khoản tiền gửi số 28800929 của bà Nguyễn Lê Thủy T tại Ngân hàng. Lãi suất trong hạn 0.80%/tháng (tính theo số tiền vay ban đầu) và lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn cho vay 60 tháng với mục đích mua nhà, đất.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà Nguyễn Lê Thủy T đã trả góp được 17 tháng với số tiền là 92.253.339 đồng (trong đó tiền vốn là 62.333.339 đồng, tiền lãi là 29.920.000 đồng), từ tháng 02/2009 bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ngày 16/5/2009 Ngân hàng đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ nợ vay còn lại chưa thanh toán của Hợp đồng tín dụng trả góp trả góp số PDL.CN.03010807 nêu trên.

Tính đến ngày 04/5/2021, bà T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi là 441.997.318 đồng.

Ngân hàng AC yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Lê Thủy T phải trả ngay số tiền nợ tạm tính đến ngày 04/5/2021 là 441.997.318 đồng (trong đó nợ gốc là 157.666.661 đồng, tiền lãi trong hạn là 9.621.333 đồng, tiền lãi quá hạn là 273.709.324 đồng, phí phạt chậm trả là 1.000.000 đồng) và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 05/5/2021 cho đến khi trả dứt nợ.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành triệu tập bà Nguyễn Lê Thủy T đến Tòa để tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa nhưng bà T đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Ngân hàng AC xin được vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đã được triệu tập hợp lệ tham

gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng của đương sự: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng AC yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Lê Thủy T trả số tiền nợ tín dụng còn thiếu, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là “tranh chấp về hợp đồng tín dụng”. Bị đơn bà T có nơi cư trú tại Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét Giấy ủy quyền số 428/UQ-QLN.19 ngày 26/6/2019 và Giấy ủy quyền số 348/UQ-QLN.21 ngày 18/3/2021 của Ngân hàng AC ủy quyền cho ông Trần Hoàng T tham gia tố tụng tại Tòa án là phù hợp với quy định tại Điều 85 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét, ông Trần Hoàng T đại diện uỷ quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Lê Thủy T đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không tham gia phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Hợp đồng tín dụng trả góp số PDL.CN.03010807 ngày 01/8/2007 được ký kết giữa Ngân hàng AC với bà Nguyễn Lê Thủy T được giao kết hợp pháp vì có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.1] Xét yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc: Căn cứ vào lời khai cũng như các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho thấy, bà T vay Ngân hàng AC số tiền là 220.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng trả góp trả góp số PDL.CN.03010807 ngày 01/8/2007. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T mới thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ là 92.253.339 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 62.333.339 đồng, tiền nợ lãi là 29.920.000 đồng). Từ tháng 02/2009 đến nay, bà T không thanh toán nợ cho ngân hàng, ngày 16/6/2009 Ngân hàng đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ nợ vay còn lại theo Điều 3 Hợp

đồng tín dụng trả góp trả góp. Bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được thỏa thuận trong hợp đồng, nên Ngân hàng được quyền yêu cầu bà T trả số tiền nợ gốc còn lại là 157.666.661 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà T phải thanh toán số tiền nợ gốc.

[2.2] Xét yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ lãi: Căn cứ vào Điều 4 hợp đồng tín dụng trả góp số PDL.CN.03010807 ngày 01/8/2007 “*Bên vay phải chịu lãi suất quá hạn và phí phạt trả trễ hạn theo quy định của ACB*”. Ngân hàng thỏa thuận với bà Nguyễn Lê Thủy T về mức lãi suất vay là 0.80%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Xét mức lãi suất mà các bên thỏa thuận là phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”.

[2.2.1] Về thanh toán tiền lãi trong hạn: Căn cứ vào bảng sao kê giao dịch do Ngân hàng cung cấp thì bà T đã thanh toán tiền lãi suất trong hạn từ ngày 02/9/2007 đến ngày 02/01/2009 với số tiền là 29.920.000 đồng. Lãi suất trong hạn từ ngày 02/02/2009 đến ngày 16/6/2009 là 9.621.333 đồng, bà T chưa thanh toán cho Ngân hàng. Do vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà T phải thanh toán số tiền lãi trong hạn là 9.621.333 đồng.

[2.2.2] Về thanh toán tiền lãi quá hạn: Ngày 16/6/2009, Ngân hàng chuyển toàn bộ số nợ gốc của bà T sang nợ quá hạn, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tương đương với 14.4%/ năm (0.04%/ngày). Dư nợ gốc của bà T đối với Ngân hàng tính đến ngày 16/6/2009 là 157.666.661 đồng. Lãi suất quá hạn mà Ngân hàng áp dụng với bà T từ ngày 17/6/2009 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 04/5/2021 là 4340 ngày với số tiền 273.709.324 đồng là có căn cứ. Do vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà T phải thanh toán số tiền lãi quá hạn là 273.709.324 đồng.

[2.3] Xét yêu cầu bị đơn thanh toán phí phạt chậm trả: Căn cứ vào Điều 4 hợp đồng tín dụng trả góp số PDL.CN.03010807 ngày 01/8/2007 “*Bên vay phải chịu lãi suất quá hạn và phí phạt trả trễ hạn theo quy định của ACB*” và căn cứ vào bảng sao kê giao dịch do Ngân hàng cung cấp, bà T đã thanh toán trả hạn 13 lần. Vì vậy, bà T phải chịu phí phạt chậm trả với số tiền là 2.600.000 đồng, bà T đã thanh toán 1.600.000 đồng, bà T còn thiếu phí phạt chậm trả là 1.000.000 đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà T phải thanh toán số tiền phạt chậm trả.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 5 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Nguyễn Lê Thủy T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng AC số tiền 441.997.318 đồng (trong đó nợ gốc là 157.666.661 đồng, tiền lãi trong hạn là 9.621.333 đồng, tiền lãi quá hạn là 273.709.324 đồng, phí phạt chậm trả là 1.000.000 đồng) thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 05/5/2021 cho đến khi bà T thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng trả góp số PDL.CN.03010807 ngày 01/8/2007 của Ngân hàng AC.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm là 21.679.893 (hai mươi một triệu, sáu trăm bảy mươi chín ngàn, tám trăm chín mươi ba) đồng, bà Nguyễn Lê Thủy T phải chịu.

Hoàn lại cho Ngân hàng AC số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.476.682 (mười triệu, bốn trăm bảy mươi sáu ngàn, sáu trăm tám mươi hai) đồng, theo biên lai thu tiền số 0049643 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được nhận hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 10;
- Chi cục THADS Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.



THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phương Lan